

KHÓ KHĂN TRONG VIỆC NGHE HIỂU TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN

Huỳnh Thị Mỹ Duyên* và Nguyễn Hiệp Thanh Nga
Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tây Đô
(*Email: huynhduyenus@gmail.com)

Ngày nhận: 11/9/2020

Ngày phản biện: 11/11/2020

Ngày duyệt đăng: 20/12/2020

TÓM TẮT

Ngày nay tiếng Anh đóng một vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực ở Việt Nam và cả trên thế giới. Vì thế có trình độ tiếng Anh tốt là điều kiện thuận lợi cho nhiều người học tập, nghiên cứu và làm việc. Trong số các kỹ năng tiếng Anh, kỹ năng nghe quan trọng nhưng cũng không kém phần khó khăn đối với người học. Mục đích của nghiên cứu nhằm tìm ra thực trạng cũng như những khó khăn khi nghe hiểu tiếng Anh của sinh viên không chuyên để từ đó tìm ra những giải pháp phù hợp giúp người học cải thiện khả năng nghe của mình. Số mẫu khảo sát gồm 188 sinh viên năm nhất ngành Dược, Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Quản trị kinh doanh và Công nghệ thực phẩm tại Trường Đại học Tây Đô. Bài kiểm tra kỹ năng nghe được sử dụng sau khi người học sắp hoàn thành học phần tiếng Anh theo định hướng TOEIC. Kết quả nghiên cứu chỉ ra một số khó khăn sinh viên gặp khi nghe do (1) Thiếu kiến thức từ vựng, (2) Khả năng nhận âm, phân biệt âm chưa tốt, (3) Khả năng suy luận, sử dụng chiến thuật nghe như phán đoán, hay ghi chú, ghi nhớ còn hạn chế, và (4) Thiếu tập trung. Đồng thời, kết quả trên cũng cho thấy một số vấn đề người dạy cần lưu ý để giúp người học cải thiện kỹ năng nghe của mình.

Từ khóa: Kỹ năng nghe, sinh viên không chuyên, Trường Đại học Tây Đô

Trích dẫn: Huỳnh Thị Mỹ Duyên và Nguyễn Hiệp Thanh Nga, 2021. Khó khăn trong việc nghe hiểu tiếng Anh của sinh viên không chuyên. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô. 11: 127-136.

*Ths. Huỳnh Thị Mỹ Duyên – Giảng viên Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tây Đô

1. GIỚI THIỆU

Ngôn ngữ đóng một vai trò quan trọng trong cuộc sống. Trong quá trình toàn cầu hóa và quốc tế hóa ngày nay, chúng ta không thể phủ nhận tầm quan trọng của tiếng Anh trong sự phát triển xã hội. Tiếng Anh được xem như ngôn ngữ quốc tế dùng để trao đổi thông tin, cho cả những người nói tiếng Anh như ngôn ngữ thứ nhất và những người nói tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai hay ngoại ngữ. Có trình độ tiếng Anh tốt là điều kiện thuận lợi cho nhiều người học tập, nghiên cứu và làm việc.

Trong các kỹ năng tiếng Anh, kỹ năng nghe được xem là một kỹ năng quan trọng trong giao tiếp vì giúp người học tiếp nhận thông tin về thế giới xung quanh. Theo Mendelsohn (1994), nghe chiếm từ 40% đến 50% các hoạt động giao tiếp hàng ngày; trong khi nói chiếm từ 25 đến 30%; đọc là từ 11 đến 16%; và viết chỉ khoảng 9%. Vì thế, khi nghe mà không hiểu, người học khó có thể giao tiếp hiệu quả.

Thế nhưng, theo Buck (2001, tr.247) “Nghe là một hoạt động phức tạp yêu cầu người nghe phải xử lý dữ liệu, tín hiệu âm thanh tiếp nhận được và diễn giải nó dựa trên những kiến thức ngôn ngữ và phi ngôn ngữ”. Có nhiều nghiên cứu cho thấy người học tiếng Anh gặp khó khăn với kỹ năng nghe (Goh, 2000; Hassan, 2000; Liu, 2002). Trong nghiên cứu của mình, Nguyễn Ngọc Ân (2011) cho rằng kỹ năng nghe hiểu được xem như một trong những kỹ năng khó nhất trong bốn kỹ năng ngôn ngữ đối với sinh

viên không chuyên ở các trường đại học và cao đẳng hiện nay. Theo Hamouda (2013), người học tiếng Anh như ngoại ngữ (EFL) thường gặp vấn đề nghe hiểu vì nhà trường thường chú ý dạy ngữ pháp, kỹ năng đọc và từ vựng hơn. Kỹ năng nghe không được chú trọng trong phần lớn các tài liệu giảng dạy, và giáo viên không tập trung phát triển các kỹ năng này trong lớp học. Ông cũng nhấn mạnh rằng việc hiểu những gì người khác nói là một hoạt động khó khăn đối với người học. Người học phải đối mặt với rất nhiều vấn đề khi nghe. Nếu giáo viên muốn giúp người học cải thiện kỹ năng nghe, thì cần tìm hiểu những khó khăn nào mà người học thường mắc phải để từ đó tìm chiến lược nghe phù hợp hay cách khắc phục hiệu quả.

Có nhiều nguyên nhân gây khó khăn cho người học khi nghe. Theo Ur (1996), người học tiếng Anh thường gặp những khó khăn trong khi nghe như: (1) Không nhận ra được các âm mà người Anh nói, (2) Có thói quen phải hiểu tất cả các từ trong câu mới hiểu được nội dung của bài, (3) Không thể hiểu được khi người bản xứ nói tiếng Anh nhanh và tự nhiên, (4) Cần phải nghe nhiều lần mới có thể hiểu, (5) Thấy khó có thể nắm bắt được tất cả các thông tin và không dự đoán được điều mà người nói sắp nói, và (6) Nếu phải nghe trong thời gian dài, người học sẽ cảm thấy mệt mỏi và thiếu tập trung.

Khi bàn về nghe hiểu, Rubin (1994) chỉ ra năm yếu tố có ảnh hưởng. Đó là (1) Đặc điểm của bài nghe như tốc độ nói, chỗ dừng, trọng âm và vần điệu, sự

khác biệt giữa ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai v.v.; (2) Đặc điểm người đối thoại như giới tính và độ thông thạo ngôn ngữ; (3) Đặc điểm bài tập như loại bài tập; (4) Đặc điểm người nghe như độ thành thạo ngôn ngữ, trí nhớ, sự tập trung, tuổi, giới tính, khả năng sử dụng ngôn ngữ thứ nhất, kiến thức nền và (5) Đặc điểm của xử lý thông tin khi nghe như việc dùng các chiến lược nghe.

Yagang (1994) cho rằng muốn biết bài nghe khó hay dễ cần xem xét bốn yếu tố (1) thông điệp nghe, (2) người nói, (3) người nghe và (4) bối cảnh nghe. Ý kiến của Yagang có phần tổng hợp và tương đồng với Rubin (1994) và Ur (1996). Nhìn chung, nếu thông điệp nghe có nội dung xa lạ, mật độ thông tin dày đặc, người nghe khó có thể tiếp nhận và ghi nhớ hết. Bên cạnh đó, khi người nói diễn đạt thông tin với tốc độ tự nhiên và giọng bản địa, người học nghe cũng có thể gặp khó khăn. Nguyên nhân thứ ba là do bản thân người nghe. Khi người nghe thiếu từ vựng, kiến thức nền; không nhận âm tốt; có mong muốn được nghe nhiều lần; thiếu kỹ thuật ghi chú, ghi nhớ, phán đoán, suy luận; tâm lý căng thẳng; khả năng tập trung không cao thì việc không nghe hiểu tốt là điều tất yếu. Một nguyên nhân tất yếu làm cho việc nghe hiểu trở nên khó khăn hơn là môi trường nghe ồn ào, có nhiều tạp âm. Trong những yếu tố trên, ba yếu tố thông điệp, người nói và bối cảnh nghe là khách quan và yếu tố người học là chủ quan. Trên thực tế giao tiếp, những yếu tố bên ngoài là khó thay đổi, thì yếu tố

bên trong là người nghe cần được người dạy lưu ý trước tiên. Để giúp người học tìm giải pháp hiệu quả cải thiện kỹ năng nghe, nghiên cứu này chủ yếu hướng đến việc tìm hiểu những yếu tố chủ quan của người nghe, cụ thể là các tiểu kỹ năng nghe sinh viên chưa vận dụng tốt.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Câu hỏi nghiên cứu

Mục đích của nghiên cứu này là tìm ra những tiểu kỹ năng sinh viên còn gặp khó khăn khi nghe tiếng Anh theo định hướng TOEIC của sinh viên không chuyên để từ đó tìm ra những phương pháp dạy nghe hiệu quả, giúp sinh viên cải thiện khả năng nghe của mình. Cụ thể, nghiên cứu nhằm mục đích tìm câu trả lời cho các câu hỏi sau:

- Thực trạng khả năng nghe của sinh viên năm nhất không chuyên Anh tại Đại học Tây Đô như thế nào?

- Các tiểu kỹ năng nghe nào sinh viên trên chưa vận dụng tốt khi nghe tiếng Anh theo định hướng TOEIC?

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng tham gia nghiên cứu gồm 188 sinh viên năm nhất thuộc các ngành Dược, Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, và Công nghệ thực phẩm. Sinh viên đã học 50 tiết trong chương trình Tiếng Anh định hướng TOEIC 1 với sách Very Easy TOEIC (2nd Ed.) của tác giả Anne Taylor và Garrett Byrne (2006), NXB Tổng hợp Hồ Chí Minh. Như vậy những sinh viên này đã được làm quen với các câu hỏi theo dạng đề thi TOEIC, nhưng ở mức độ cơ

bản, số lượng câu cho mỗi phần nghe ít hơn số lượng thực tế sinh viên phải trả lời khi thi TOEIC theo chuẩn quốc tế.

2.3. Công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu thống kê mô tả được thực hiện nhằm tìm ra những khó khăn khi nghe tiếng Anh của sinh viên không chuyên. Công cụ thu thập số liệu là bài kiểm tra kỹ năng nghe của sinh viên sau khi sắp hoàn thành học phần Tiếng Anh định hướng TOEIC 1. Bài kiểm tra được

thiết kế theo định hướng TOEIC, được chọn lọc từ sách Starter TOEIC (3rd Ed) của tác giả Anne Taylor và Casey Malarcher (2016), gần gũi với dạng bài nghe sinh viên đang học ở lớp với độ khó tương đương. Bài kiểm tra có độ dài 560 giây (gần 10 phút), gồm 20 câu hỏi trắc nghiệm nhiều chọn lựa (riêng Phần 2 chỉ có 3 chọn lựa, trong khi các phần còn lại đều 4 chọn lựa), chia thành 4 phần, mỗi phần 5 câu, được mô tả cụ thể trong bảng sau.

Bảng 1. Mô tả bài kiểm tra nghe

Phần	Số lượng	Nội dung	Mục đích
Phần 1 (Picture descriptions - P)	5 câu	Nghe câu đơn để chọn nghĩa đúng với hình ảnh	Kiểm tra khả năng phân biệt các loại từ vựng (chỉ nơi chốn, đồ vật, vị trí, hành động)
Phần 2 (Questions – Responses - R)	5 câu	Nghe câu hỏi và chọn câu trả lời tương ứng	Kiểm tra khả năng phân biệt các âm gần giống nhau, và phân biệt cách trả lời các dạng câu hỏi Yes-No, có từ để hỏi như “Where”, “Why”
Phần 3 (Short conversations - C)	5 câu	Nghe đoạn hội thoại để trả lời câu hỏi (2 đoạn)	Kiểm tra khả năng nghe ý chi tiết, nghe kết hợp suy luận, phân biệt từ dễ nhầm lẫn do có cách phát âm gần giống nhau
Phần 4 (Short talks - T)	5 câu	Nghe đoạn độc thoại để trả lời câu hỏi (2 đoạn)	Kiểm tra khả năng nghe kết hợp suy luận, nghe ý chi tiết nhưng cần có khả năng ghi nhớ hay ghi chú vì thông tin xuất hiện trong câu dài, có nhiều ý, không có từ diễn đạt cùng ý xuất hiện trong bài

Bài kiểm tra nghe được thực hiện với những cố gắng của người nghiên cứu, nhằm hạn chế những ảnh hưởng đặc biệt của yếu tố bên ngoài. Cụ thể, hình thức bài kiểm tra nghe tương tự hình thức sinh viên đã tiếp xúc trong bài học. Nội dung xoay quanh những chủ đề chung của bài kiểm tra TOEIC với thời lượng tương đồng. Người nói không có giọng điệu quá lạ hay quá đặc biệt. Môi trường nghe không bị lẫn tạp âm.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Bài nghe có tổng 20 câu, điểm mỗi câu đúng được tính là một, câu sai là không điểm. Kết quả bài kiểm tra được xử lí bằng phần mềm SPSS, với độ tin cậy Cronbach alpha .642 chứng tỏ thang đo đủ điều kiện để sử dụng khảo sát. One sample t-test được thực hiện để kiểm tra điểm trung bình chung và của từng phần có sự khác biệt nào so với mức trung bình mẫu 0.5.

3.1. Khả năng nghe bài thi theo định hướng TOEIC của sinh viên

Kết quả tổng hợp bài kiểm tra nghe của sinh viên được thể hiện qua Bảng 2. Điểm trung bình phần 1 và phần 2 lần lượt bằng 0.73 và 0.76, trên mức trung bình mẫu 0.5 với độ ý nghĩa p_P và p_R đều =.00 ($MD_P = 0.23$, $MD_R = 0.26$). Điểm trung bình phần 3 và phần 4 lần lượt bằng 0.40 và 0.38, dưới mức trung bình mẫu 0.5 với độ ý nghĩa p_C và p_T đều =.00 ($MD_C = -0.10$, $MD_T = -0.12$). Kết quả cho thấy, điểm trung bình của toàn bài kiểm tra nghe trên 188 sinh viên đạt 0.57, chưa cao, chỉ hơn mức trung bình mẫu 0.5 với $MD_{tt} = 0.07$. Kết quả trên cho thấy khả năng nghe của sinh viên sau khi sắp hoàn thành học phần Tiếng Anh định hướng TOEIC 1 chỉ cao hơn mức trung bình mẫu một ít, không khác biệt có ý nghĩa ($p = .00$) dù bài kiểm tra tương tự như nội dung học xét về hình thức và độ khó. Trong đó, khả năng sinh viên nghe câu rời tốt hơn nghe hội thoại hay độc thoại, đặc biệt là khi nghe đoạn độc thoại (một người nói liên tục) vì điểm phần 4 là thấp nhất ($M_T = 0.38$)

Bảng 2. Tổng hợp kết quả bài kiểm tra nghe

Phần	Điểm TB (M)	Độ lệch chuẩn	Sai lệch với trung bình mẫu (MD)	Độ ý nghĩa (p)
1 (P)	0.73	0.23	0.23	.00
2 (R)	0.76	0.19	0.26	.00
3 (C)	0.40	0.22	-0.10	.00
4 (T)	0.38	0.26	-0.12	.00
Tổng	0.57	0.15	0.07	.00

3.2. Các tiêu kỹ năng sinh viên gặp khó khăn khi nghe theo định hướng TOEIC

Khó khăn của sinh viên ở từng phần được thể hiện cụ thể trong các bảng sau. Ở phần 1 (Picture description), sinh viên nghe 4 câu đơn để chọn 1 câu có nghĩa đúng với hình ảnh cho sẵn. Theo kết quả trong Bảng 3, tỉ lệ sinh viên nghe đúng các câu trong phần 1 đều cao hơn 50%. Tuy nhiên trong đó, phân biệt từ chỉ hành động và vị trí tốt hơn khi phân biệt

danh từ chỉ nơi chốn, và đồ vật vì tỉ lệ sinh viên trả lời đúng câu 3, 4 và 5 cao hơn tỉ lệ sinh viên trả lời đúng câu 1 và 2, với độ lệch điểm khoảng 15% đến gần 30%. Điều này cho thấy sinh viên đang thiếu từ vựng hay kiến thức từ vựng này còn thụ động, thiếu sót, khả năng nhận âm còn kém, nên sinh viên có thể nhận ra những từ này khi đọc hiểu, nhưng khi nghe âm lại chưa kịp kết hợp với chữ viết, hay nghĩa của những từ vựng trên.

Bảng 3. Kết quả chi tiết Phần 1

Câu	% SV chọn đúng	Diễn giải
P1	58.5	Phân biệt danh từ chỉ nơi chốn
P2	57.4	Phân biệt danh từ chỉ đồ vật
P3	89.9	Phân biệt giới từ chỉ vị trí
P4	71.8	Phân biệt động từ chỉ hành động
P5	86.7	Phân biệt động từ chỉ hành động
Trung bình	73	

Bảng 4. Kết quả chi tiết Phần 2

Câu	% SV chọn đúng	Diễn giải
R1	44.7	Phân biệt âm 2 từ gần giống “at” – “It’s”
R2	83	Phân biệt 2 câu có âm gần giống nhau “How old are you?” – “How are you?”
R3	95.7	Phân biệt cách trả lời câu hỏi Yes – No
R4	76.1	Phân biệt cách trả lời câu hỏi tìm thông tin “Where”
R5	84	Phân biệt cách trả lời câu hỏi tìm thông tin “Why”
Trung bình	76	

Ở phần 2 (Questions - Responses), sinh viên nghe câu hỏi và chọn một câu trả lời tương ứng trong số 3 lựa chọn mà sinh viên nghe được. Theo kết quả trong Bảng 4, tỉ lệ phần trăm sinh viên chọn

đúng ở câu R1 chỉ đạt 44.7%, thấp nhất trong số 5 câu hỏi. Như vậy, sinh viên phân biệt âm tương đồng “at” và “It’s” chưa tốt có thể do thiếu chú ý, tư duy để phán đoán chọn lọc câu trả lời, hay kỹ

thuật nghe chưa tốt. Câu 2 yêu cầu sinh viên phân biệt 2 câu nghe gần giống nhau “How old are you?” và “How are you?”. Kết quả câu này tốt hơn với 83% sinh viên trả lời đúng, có thể vì số lượng vắn trong hai câu khác nhau nên sinh viên dễ dàng nhận ra. Các câu hỏi yêu cầu sinh viên phân biệt câu trả lời với

những từ khác nhau rõ rệt R3, R4 và R5 đạt điểm khá tốt, lần lượt bằng 95.7%, 76% và 84%. Trong đó, R3 có điểm số cao nhất, lí do có thể vì câu trả lời cho câu hỏi Yes – No khá ngắn, đơn giản nên phần nhiều sinh viên nhận ra và chọn đúng.

Bảng 5. Kết quả chi tiết Phần 3

Câu	% SV chọn đúng	Diễn giải
C1	48.9	Nghe ý chi tiết
C2	12.2	Nghe kết hợp suy luận
C3	23.9	Nghe kết hợp suy luận
C4	75.5	Nghe ý chi tiết, thông tin nghe tương tự thông tin trong đáp án, được nhắc lại bằng từ liên quan
C5	39.9	Nghe ý chi tiết, 2 âm dễ nhầm lẫn
Trung bình	40	

Ở phần 3 (Short conversations), sinh viên nghe hai đoạn hội thoại để trả lời câu hỏi. Kết quả Bảng 5 cho thấy khả năng nghe đoạn hội thoại của sinh viên không tốt, với điểm trung bình các câu hầu hết dưới 50%. Sinh viên gặp khó khăn khi nghe ý chi tiết (48.9% trả lời đúng câu C1), đặc biệt là khi có âm dễ nhầm lẫn (39.9% trả lời đúng câu C5), sinh viên chỉ nhận ra tốt khi câu trả lời có nội dung khá giống với từ dùng trong phần hội thoại và được nhắc lại bằng từ

liên quan (75.5% trả lời đúng câu C4). Điểm thấp nhất ở hai câu hỏi yêu cầu sinh viên phải nghe được thông tin kết hợp với suy luận (12.2% trả lời đúng câu C2 và 23.9% trả lời đúng câu C3). Như vậy, dù nghe hội thoại không tốt lắm, nhưng sinh viên nghe ý chi tiết tốt hơn khi nghe kết hợp suy luận. Điều này có thể là do sinh viên còn thiếu kỹ năng suy luận hoặc vận dụng các tiểu kỹ năng nghe chưa tốt.

Bảng 6. Kết quả chi tiết Phần 4

Câu	% SV chọn đúng	Diễn giải
T1	30.3	Nghe kết hợp suy luận
T2	33	Nghe kết hợp suy luận
T3	30.3	Nghe ý chi tiết nhưng đáp án rơi vào câu dài, nhiều thông tin
T4	58.5	Nghe ý chi tiết nhưng đáp án rơi vào câu đơn, ngắn.
T5	39.4	Nghe ý chi tiết nhưng đáp án rơi vào gần cuối bài nghe, thông tin ngắn, không có từ diễn đạt cùng ý xuất hiện trong bài.
Trung bình	38	

Ở phần 4 (Short talks), sinh viên nghe hai đoạn độc thoại để trả lời câu hỏi. Điểm phần này khá thấp, chỉ câu T4 ở vào mức trung bình (58.5% trả lời đúng), các câu còn lại đều thấp hơn 40%. Điểm câu T4 tốt hơn những câu còn lại có lẽ là vì đáp án rơi vào những câu đơn, ngắn, ít thông tin. Tương tự như kết quả ở phần 3, những câu yêu cầu nghe kết hợp với suy luận có điểm số khá thấp (30.3% trả lời đúng câu T1 và 33% trả lời đúng câu T2). Điểm trung bình của câu T3 và câu T5 cũng ở quanh mức 30% vì đáp án rơi vào câu dài, nhiều thông tin hay thông tin gần cuối bài nghe khi khả năng tập trung suy giảm, thông tin chỉ được nhắc đến một lần.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy khả năng nghe của đối tượng nghiên cứu chỉ ở mức trung bình mặc dù độ khó bài nghe không cao, nội dung nghe tương tự nội dung bài học. Kết quả trên cũng góp phần chỉ ra một số khó khăn của sinh viên khi nghe và nguyên nhân những

khó khăn trên. Cụ thể, (1) sinh viên phân biệt từ chỉ hành động tốt hơn từ danh từ chỉ nơi chốn, đồ vật có thể do thiếu kiến thức từ vựng. (2) Khả năng phân biệt một số từ còn hạn chế, phân biệt âm tương đồng chưa tốt có thể do kiến thức từ vựng, khả năng tư duy để phán đoán, hay kỹ thuật nghe chưa tốt. (3) Sinh viên nghe từng câu rời rạc tốt hơn nghe đoạn, hay nghe câu đơn có ít thông tin tốt hơn nghe câu dài có nhiều ý, cho thấy tốc độ nhận âm còn chậm, khả năng tập trung, ghi chú và ghi nhớ còn hạn chế. (4) Nghe thông tin có lặp lại tốt hơn thông tin chỉ được đề cập đến một lần, thoáng qua cho thấy khả năng tập trung, ghi chú và ghi nhớ còn hạn chế, có lẽ sinh viên mong đợi được nghe nhiều lần. (5) Nghe ý chi tiết tốt hơn nghe kết hợp suy luận cho thấy sinh viên chưa vận dụng tốt khả năng suy luận khi nghe. Kết quả này tương tự như những gì chuyên gia Ur (1996) đã nêu trong sách dạy tiếng của mình.

Như vậy, kết quả trên cho thấy người học tiếng thường gặp những khó khăn

trong khi nghe, nguyên nhân có thể do (1) Thiếu kiến thức từ vựng, (2) Khả năng nhận âm, phân biệt âm chưa tốt, (3) Khả năng sử dụng chiến thuật nghe như phán đoán, hay ghi chú, ghi nhớ còn hạn chế, và (4) Thiếu tập trung.

Để giúp người học cải thiện kỹ năng nghe, người dạy cần lưu ý những vấn đề sau: Người học cần thường xuyên bổ sung kiến thức về từ vựng. Luyện nghe viết chính tả, và luyện khả năng phân biệt từ đồng âm cũng được xem như một hoạt động cần thiết. Người học cần rèn khả năng tư duy, suy luận, diễn giải, phán đoán trước, trong và sau khi nghe. Nghe và ghi chú cũng là một kỹ năng quan trọng giúp cải thiện khả năng tập trung và lưu trữ thông tin.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Buck, G., 2001. *Assessing listening*. Port Melbourne: Cambridge University Press. 274p.
2. Goh, C., 2000. A Cognitive Perspective on Language Learners' Listening Comprehension Problems. *System*, 28: 55-75.
3. Hamouda, A., 2013. An Investigation of Listening Comprehension Problems Encountered by Saudi Students in the EL Listening Classroom. *International Journal of Academic Research in Progressive Education and Development*, 2(2): 113-155.
4. Hassan, A., 2000. Learners' perceptions of listening comprehension problems. *Language, Culture and Curriculum*, 13(2): 137-153.
5. Liu, N. F., 2002. *Processing problems in L2 listening comprehension of university students in Hong Kong*. Doctoral dissertation. Retrieved on June 3, 2014 from ProQuest Dissertations & Theses database. UMI No. 3074191.
6. Mendelsohn, D. J., 1994. *Learning to listen: A strategy-based approach for the second language learner*. San Diego: Dominic Press. 141p.
7. Nguyễn Ngọc Ân, 2011. *Thực trạng và giải pháp rèn luyện kỹ năng nghe hiểu trong việc học ngoại ngữ đối với sinh viên không chuyên ở trường đại học – cao đẳng*. Tạp chí khoa học Trường ĐHSPTPHCM, 25: 130-133.
8. Rubin, J. 1994. A view of second language listening comprehension research. *Modern Language Journal*, 78(2): 199-217.
9. Ur, P., 1996. *A course in Language Teaching Practice and Theory*. Cambridge University Press, Cambridge. 375p.
10. Yagang, F., 1994. *Listening: Problems and Solutions*. *English Teaching Forum*. 3(1): 1-7.

LISTENING DIFFICULTIES OF NON-ENGLISH MAJORED STUDENTS

Huynh Thi My Duyen* and Nguyen Hiep Thanh Nga
Faculty of Linguistics and Literature, Tay Do University
(*Email: huynhduyenus@gmail.com)

ABSTRACT

Nowadays, English plays an important role in various fields in Vietnam as well as in other countries in the world. Therefore, good English proficiency is an advantage for many people to study, do research, and work. Among English skills, listening is not only important but also difficult for learners. This study aims to find out the status and difficulties in listening comprehension of 188 non-English majored freshmen majoring in Pharmacy, Accounting, Finance & Banking, Business Administration, and Food Technology at Tay Do University. A listening achievement test was administered when the participants were going to complete their TOEIC-based course 1. The research results indicate the participants faced some listening problems due to their (1) lack of vocabulary knowledge, (2) inability to recognize and distinguish sounds, (3) limited reasoning ability and limited ability to use listening strategies such as judgment, taking notes, or memorizing, and (4) lack of concentration. The above results also show some issues to which teachers need to pay attention to help learners improve their listening skill.

Keywords: *Listening skill, non-English majored students, Tay Do University*